

Số: 445/TB-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 7 năm 2014

**THÔNG BÁO**  
**V/v Kế khai giờ làm việc của CBGD NH 2013-2014**

Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-ĐHNT ngày 23/12/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nha Trang ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường thông báo đến các đơn vị nội dung phân công công việc để kế khai giờ làm việc trong năm học 2013-2014 như sau:

I/ Thời gian diễn ra các hoạt động để kế khai: **11/7/2013 đến 12/7/2014** (các hoạt động từ ngày 13/7/2013 sẽ được tính vào năm học 2014-2015).

STT	Công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Hoàn chỉnh dữ liệu cán bộ và giờ giảng lên lớp trên phần mềm đào tạo (XEduManager):		Trước 16/8/2014
	- Phân công giảng dạy đối với tất cả CBGD (thể hiện các thông tin về các hệ số liên quan)	- P.Đào tạo, Khoa SDH, Khoa ĐHTC, Phân hiệu KGiảng	
	- Phân công hướng dẫn đồ án TN, luận văn ThS, luận án TS	- P.Đào tạo, Khoa SDH	
	- Hệ số học vị, hệ số chức danh, định mức giờ giảng và giờ vật chất	- Phòng TCHC	
	- Dạy trực tuyến	- P.Đào tạo, Khoa SDH	
2	Kiểm tra dữ liệu (giờ giảng lên lớp) trên phần mềm đào tạo (XEduManager) và gửi phản hồi đến các đơn vị chức năng về các sai sót nếu có	CBGD toàn trường	
3	Nhập dữ liệu (file Excel) kê khai giờ làm việc và gửi đến P.ĐBCL&TT	Tất cả các đơn vị	Trước 23/8/2014
4	In bảng thanh toán giờ giảng lên lớp năm học (trên phần mềm đào tạo - XEduManager), kiểm tra tính chính xác, ký xác nhận và gửi đến Phòng ĐBCL&TT	- CBGD toàn trường - Các bộ môn	Từ 18/8 ÷ 23/8/2014
5	- Kiểm tra tổng thể thanh toán giờ giảng NH - Thống kê giờ vật chất của năm học	Các đơn vị được phân công	Từ 25/8 ÷ 20/9/2014
6	Trình GH phê duyệt thanh toán cuối năm	Phòng KHTC	Trước 11/10/2014

II/ Các đơn vị kê khai các giờ làm việc theo mẫu chung file Excel (do P.ĐBCL&TT chuẩn bị), sau đó các đơn vị chức năng sẽ kiểm tra và tổng hợp số liệu (xem phần Phụ lục).

Trong quá trình triển khai nếu có gì vướng mắc đề nghị liên hệ trực tiếp P.ĐBCL&TT hoặc các phòng chức năng khác để được hướng dẫn thêm.

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị;
- Lưu VT, P.ĐBCL&TT.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
NHA TRANG

Vũ Văn Xương

## Phụ lục

### CÁC NỘI DUNG KÊ KHAI THEO MẪU CHUNG (FILE EXCEL)

(Kèm theo Thông báo số: 445/TB-ĐHNT ngày 30 tháng 7 năm 2014)

**A/ Hoạt động giảng dạy:** Sẽ được tính cộng thêm vào giờ giảng dạy trong tờ **In bảng thanh toán giờ giảng lên lớp năm học, trên phần mềm đào tạo:**

STT	Tên công việc	Giờ giảng dạy	Đơn vị khai báo	Đơn vị kiểm tra
1	HDẫn TTập T/Hợp (ngoài trường): K.tra SV tại cơ sở thực tập	1 tiết/SV	P.ĐBCL&TT	
2	HDẫn TTập T/Hợp (ngoài trường): Chấm báo cáo	0,25 tiết/SV	P.ĐBCL&TT	
3	HDẫn chuyên đề Tiến sĩ	10 tiết/CD	K. Sau ĐH	

### **B/ Giờ giờ vật chất:**

STT	Tên công việc	Giờ vật chất	Đơn vị khai báo	Đơn vị kiểm tra
<b>I/</b>	<b>HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY</b>			
-	Giảng dạy lý thuyết (tất cả các bậc đào tạo)		Đã được tính tự động trong “ <b>Bảng tổng hợp hoạt động giảng dạy</b> ” theo từng HP tương ứng	P.ĐBCL&TT
-	Giảng dạy lý thuyết đ/v HP dạy lần đầu			
-	Hướng dẫn thiết kế môn học, đồ án HP: HD lý thuyết trên lớp (8 giờ/lớp) + K.tra, xét duyệt và bảo vệ (1 giờ/SV)	8 giờ/lớp + 1 giờ/SV		
-	Bài tập lớn HP độc lập (CTĐT K.52,53): HD lý thuyết trên lớp (8 giờ/lớp) + K.tra, xét duyệt và bảo vệ (0,5 giờ/SV)	8 giờ/lớp + 0,5 giờ/SV		
-	Dạy các môn Giáo dục thể chất	45 giờ/HP		
-	Dạy các môn Giáo dục Quốc phòng			
-	HDẫn thực hành, TTập giáo trình/tổng hợp tại trường (được GH cho phép TT tại trường)	45 giờ/TC/nhóm		
-	HDẫn đồ án, khóa luận TN ĐH: Khối kỹ thuật, công nghệ	45 giờ/SV		
-	HDẫn đồ án, khóa luận TN ĐH: Khối kinh tế, kế toán	40 giờ/SV		
-	HDẫn Luận văn Cao học: Khối kỹ thuật, công nghệ	80 giờ/HV		
-	HDẫn Luận văn Cao học: Khối kinh tế, kế toán	70 giờ/HV		
-	HDẫn Nghiên cứu sinh	100 giờ/năm		
-	HDẫn TTập T/Hợp (ngoài trường): Hướng dẫn đề cương	8 giờ/lớp		
4	HDẫn TTập T/Hợp (ngoài trường): K.tra SV tại cơ sở thực tập	3 giờ/SV		
5	HDẫn TTập T/Hợp (ngoài trường): Chấm báo cáo	1 giờ/SV	P.ĐBCL&TT	
6	HDẫn chuyên đề Tiến sĩ	20 giờ/CD	Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
7	Ra đề thi kết thúc học phần: ĐH, CD, Tr.cấp	2 giờ/ca thi	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
8	Chấm bài thi kết thúc học phần: ĐH, CD, Tr.cấp	0,2 giờ/bài thi	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
9	Chấm bài thi kết thúc học phần: Vấn đáp	0,3 giờ/bài thi	Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
10	Chấm bài thi kết thúc học phần: Thực hành	0,3 giờ/bài thi	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
11	Ra đề thi kết thúc học phần: Sau ĐH	4 giờ/ca thi	Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
12	Chấm bài thi kết thúc học phần: Sau ĐH	0,4 giờ/bài thi	Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
13	Coi thi kết thúc học phần	2,0 giờ/ca thi	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
14	Giám sát thi kết thúc học phần	2,0 giờ/ca thi	P.ĐBCL&TT	
15	Chấm bài thu hoạch chính trị đầu năm của SV	0,1 giờ/SV	P. CTSV	
16	Tuyển sinh (P. Đào tạo): Coi thi, giám sát thi	4 giờ/buổi thi	P. Đào tạo	
17	Tuyển sinh (P. Đào tạo): Chấm thi (2 lượt)	1 giờ/bài thi	P. Đào tạo	
18	Tuyển sinh (K.Tại chức): Ra đề thi + đáp án (3 đề)	24 giờ/môn thi	K.ĐH Tại chức	
19	Tuyển sinh (K.Tại chức): Coi thi, giám sát thi	4 giờ/buổi thi	K.ĐH Tại chức	
20	Tuyển sinh (K.Tại chức): Chấm thi (2 lượt)	1 giờ/bài thi	K.ĐH Tại chức	
21	Tuyển sinh (K.SĐH): Ra đề thi + đáp án (3 đề)	24 giờ/môn thi	K. Sau ĐH	
22	Tuyển sinh (K.SĐH): Coi thi, giám sát thi	4 giờ/buổi thi	K. Sau ĐH	
23	Tuyển sinh (K.SĐH): Chấm thi (2 lượt)	1 giờ/bài thi	K. Sau ĐH	
24	Thi TN (P. Đào tạo): Ra đề thi + đáp án (3 đề)	24 giờ/môn thi	P. Đào tạo	
25	Thi TN (P. Đào tạo): Coi thi, giám sát thi	4 giờ/buổi thi	P. Đào tạo	

STT	Tên công việc	Giờ vật chất	Đơn vị khai báo	Đơn vị kiểm tra
26	Thi TN (P. Đào tạo): Chấm thi (2 lượt)	1 giờ/bài thi	P. Đào tạo	
27	Thi TN (K.Tại chức): Ra đề thi + đáp án (3 đề)	24 giờ/môn thi	K.ĐH Tại chức	
28	Thi TN (K.Tại chức): Coi thi, giám sát thi	4 giờ/buổi thi	K.ĐH Tại chức	
29	Thi TN (K.Tại chức): Chấm thi (2 lượt)	1 giờ/bài thi	K.ĐH Tại chức	
30	Thi TN (K.SĐH): Ra đề thi + đáp án (3 đề)	24 giờ/môn thi	K. Sau ĐH	
31	Thi TN (K.SĐH): Coi thi, giám sát thi	4 giờ/buổi thi	K. Sau ĐH	
32	Thi TN (K.SĐH): Chấm thi (2 lượt)	1 giờ/bài thi	K. Sau ĐH	
33	Đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH: Chấm phần biện (8 giờ/đồ án khối kỹ thuật, 6 giờ/đồ án khối kinh tế, kế toán)		Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
34	Đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH: Hội đồng chấm đồ án, khóa luận (5 đồ án/buổi)		P. Đào tạo	
35	Luận văn ThS: Xét duyệt đề cương	5 giờ/đề cương	Khoa/Viện	K. Sau ĐH
36	Luận văn ThS: Hội đồng chấm		K. Sau ĐH	
37	Luận án NCS: HĐ đánh giá tiêu luận tổng quan		K. Sau ĐH	
38	Luận án NCS: Tiểu ban xét duyệt đề cương		K. Sau ĐH	
39	Luận án NCS: Tiểu ban đánh giá chuyên đề TS		K. Sau ĐH	
40	Luận án NCS: Hội đồng đánh giá LA (cấp cơ sở/trường)		K. Sau ĐH	
41	Viết bài giảng mới (chỉ tính cho các BG có đăng ký và được Hiệu trưởng phê duyệt): HP <b>mới</b> trong CTĐT	400 giờ/tín chỉ	P.ĐBCL&TT	
42	Viết bài giảng mới (chỉ tính cho các BG có đăng ký và được Hiệu trưởng phê duyệt): HP <b>đã có</b> trong CT	200 giờ/tín chỉ	P.ĐBCL&TT	
43	Cập nhật bài giảng (được BM thông qua)	20 giờ/tín chỉ	P.ĐBCL&TT	
44	Giảng dạy các lớp máy trưởng, thuyền trưởng, bồi dưỡng nghề... (chỉ tính khi có HĐ với Trường)	8 giờ/ngày	Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
45	Dự giờ giảng (theo kế hoạch của Bộ môn)	2 giờ/tiết dự giảng	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
46	Lấy ý kiến SV về hoạt động GD (tại lớp)	2 giờ/HP/lớp	P.ĐBCL&TT	
47	Báo cáo/tham luận ĐM PPGD-ĐG cấp Bộ môn	10 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
48	Báo cáo/tham luận ĐM PPGD-ĐG cấp Khoa	20 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
49	Báo cáo/tham luận ĐM PPGD-ĐG cấp Trường	30 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
50	Báo cáo/tham luận học thuật cấp Bộ môn	10 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
51	Báo cáo/tham luận học thuật cấp Khoa	20 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
52	Báo cáo/tham luận học thuật cấp Trường	30 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
53	Phản biện báo cáo/tham luận ĐM PPGD-ĐG cấp Khoa	2 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
54	Phản biện báo cáo/tham luận ĐM PPGD-ĐG cấp Trường	4 giờ/báo cáo	P.ĐBCL&TT	
55	Sinh hoạt học thuật cấp Bộ môn (có biên bản)	4 giờ/buổi	P.ĐBCL&TT	
56	ĐH, CĐ: Xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo mới (được Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng)	600 giờ/hồ sơ	P. Đào tạo	
57	ĐH, CĐ: Xây dựng mới Chương trình giáo dục	400 giờ/ch.trình	P. Đào tạo	
58	ĐH, CĐ: Nghiệm thu chương trình mới	120 giờ/ch.trình	P. Đào tạo	
59	ĐH, CĐ: Hoàn thiện/bổ sung chương trình	100 giờ/ch.trình	P. Đào tạo	
60	ĐH, CĐ: Xây dựng mới Chương trình học phần	24 giờ/tín chỉ	P. Đào tạo	
61	ĐH, CĐ: Hoàn thiện/bổ sung Chương trình học phần	8 giờ/tín chỉ	P. Đào tạo	
62	SĐH: Xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo mới (được Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng)	600 giờ/hồ sơ	K. Sau ĐH	
63	SĐH: Xây dựng mới Chương trình giáo dục	500 giờ/ch.trình	K. Sau ĐH	
64	SĐH: Nghiệm thu chương trình mới	120 giờ/ch.trình	K. Sau ĐH	
65	SĐH: Hoàn thiện/bổ sung chương trình	100 giờ/ch.trình	K. Sau ĐH	
66	SĐH: Xây dựng mới Chương trình học phần	24 giờ/tín chỉ	K. Sau ĐH	
67	SĐH: Hoàn thiện/bổ sung Chương trình học phần	8 giờ/tín chỉ	K. Sau ĐH	
68	G.Trình, tài liệu tham khảo: Biên soạn giáo trình (NXB in)	16 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	
69	G.Trình, tài liệu tham khảo: Tái bản GT + TLTK, chuyên khảo	4 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	
70	G.Trình, tài liệu tham khảo: Biên dịch tài liệu (có hợp đồng với Thư viện/P.ĐT)	6 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	
71	G.Trình, tài liệu tham khảo: Biên soạn TL tham khảo (NXB in)	12 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	

STT	Tên công việc	Giờ vật chất	Đơn vị khai báo	Đơn vị kiểm tra
72	Giáo trình, tài liệu tham khảo: Biên soạn TL chuyên khảo (NXB in)	20 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	
73	Giáo trình, tài liệu tham khảo: Phân biện tài liệu	2 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	
74	Giáo trình, tài liệu tham khảo: Hội đồng đánh giá tài liệu (Chủ tịch: 8 giờ/tài liệu, Thư ký: 8 giờ/tài liệu, Ủy viên: 4 giờ/tài liệu)		P. Đào tạo	
75	Xuất bản sách ở nước ngoài - book chapter (có ISBN)	16 giờ/trang tác giả	P. Đào tạo	
<b>II/</b>	<b>HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>			
76	Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học		P. KHCN	
77	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước		P. KHCN	
78	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: Thể loại thông báo khoa học		P. KHCN	
79	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: Thể loại vấn đề tham khảo		P. KHCN	
80	Viết báo cáo chuyên đề tham luận		P. KHCN	
81	Thực hiện hợp đồng NCKH, chuyển giao công nghệ		P. KHCN	
82	Tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, KTXH thuộc lĩnh vực chuyên môn		P. KHCN	
83	Tham gia cuộc thi sáng tạo về KHCN: Cấp Nhà nước		P. KHCN	
84	Tham gia cuộc thi sáng tạo về KHCN: Cấp Bộ/Tỉnh/Ngành		P. KHCN	
85	Phân biện đề tài/dự án các cấp		P. KHCN	
86	Hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH	50 giờ/đề tài	P. KHCN	
87	Họp hội đồng nghiệm thu đề tài/dự án các cấp		P. KHCN	
88	Phân biện bài báo		P. KHCN	
89	Sáng kiến cải tiến		P. KHCN	
90	Phát minh (theo luật Sở hữu trí tuệ)		P. KHCN	
91	Bằng độc quyền sáng chế		P. KHCN	
92	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích		P. KHCN	
93	Liên hệ với tổ chức/cá nhân để ký kết văn bản hợp tác về KHCN		P. KHCN	
94	Hội nghị sinh viên NCKH cấp Trường		P. KHCN	
95	Hội nghị khoa học cấp Trường		P. KHCN	
96	Hội nghị khoa học cấp Khoa		P. KHCN	
97	Hội nghị khoa học cấp Bộ môn		P. KHCN	
98	Tham dự Hội nghị/Hội thảo khoa học ở ngoài trường (được Giám hiệu phê duyệt)		P. KHCN	
99	Họp hội đồng sáng kiến cải tiến		P. KHCN	
100	Họp hội đồng KH xét chọn đề tài NCKH		P. KHCN	
101	Họp hội đồng KH xét chọn ý tưởng NCKH của sinh viên		P. KHCN	
102	Đề xuất nhiệm vụ NCKH được đưa vào danh mục tuyển chọn		P. KHCN	
<b>III/</b>	<b>HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>			
103	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...	8 giờ/ngày	P. TCHC	
104	Bồi dưỡng Lý luận CT-HC cao cấp		P. TCHC	
105	Đi thực tế (được GH duyệt)	8 giờ/ngày	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
106	Họp Bộ môn (1 lần/tháng, có biên bản)	4 giờ/buổi	Khoa/Viện/TT	P. TCHC
107	Họp khoa (1 lần/tháng, có biên bản)	4 giờ/buổi	Khoa/Viện/TT	P. TCHC
108	Họp đoàn thể (cấp trường, có biên bản)	4 giờ/buổi	P. TCHC	
109	Hội nghị cán bộ chủ chốt cấp Khoa	4 giờ/buổi	Khoa/Viện/TT	P. TCHC
110	Hội nghị cán bộ chủ chốt cấp Trường	4 giờ/buổi	P. TCHC	
111	Hội nghị giao ban hàng tháng	4 giờ/buổi	P. TCHC	
112	Sinh hoạt chính trị (Trường tổ chức)	4 giờ/buổi	P. TCHC	
113	Chào cờ hàng tháng: Cán bộ viên chức	1 giờ/lần	P. TCHC	
114	Chào cờ hàng tháng: Sinh viên	1 giờ/lần	Khoa/Viện	P. CTSV
115	Công tác quản lý tài sản (khoán)	16 giờ/năm học	Khoa/Viện/TT	TT. PVTT
116	Đại hội CNVC cấp đơn vị	4 giờ/buổi	Khoa/Viện/TT	P. TCHC
117	Đại hội CNVC, đại hội đoàn thể cấp Trường.	4 giờ/buổi	P. TCHC	
118	Họp hội đồng tư vấn cấp Khoa	4 giờ/buổi	Khoa/Viện	P. TCHC

<i>STT</i>	<i>Tên công việc</i>	<i>Giờ vật chất</i>	<i>Đơn vị khai báo</i>	<i>Đơn vị kiểm tra</i>
119	Họp hội đồng tư vấn cấp Trường	4 giờ/buổi	P. TCHC	
120	Tham dự hội thảo chuyên môn cấp Khoa	4 giờ/buổi	Khoa/Viện/TT	P.ĐBCL&TT
121	Tham dự hội thảo chuyên môn cấp Trường	4 giờ/buổi	Khoa/Viện	P.ĐBCL&TT
122	Kiểm tra giảng dạy/hành chính	2 giờ/lần	P. TCHC	
123	Đánh giá, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	4 giờ/buổi	P.ĐBCL&TT	
124	Quản lý và cập nhật trang web khoa (xác nhận của TBT website)	80 giờ/năm	BBT web	
125	Quản lý và cập nhật trang web bộ môn (xác nhận của trường đơn vị)	40 giờ/năm	Khoa/Viện/TT	BBT web
126	Xây dựng đề án, dự án phát triển cơ sở vật chất, tăng cường năng lực đào tạo nghiên cứu, hợp tác đối ngoại (được cấp bộ duyệt)		Khoa/Viện/TT	P. TCHC
127	Tham gia công tác bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH	4 giờ/buổi	Khoa/Viện/TT	TT. PVTT
128	<b>Các hoạt động khác</b> (theo kế hoạch GH duyệt): Tính giờ vật chất theo thời gian thực hiện công việc	4 giờ/buổi	P. TCHC	

**Ghi chú:**

- Những người được phân công nhập số liệu chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu và lưu lại các minh chứng để đơn vị chức năng kiểm tra khi cần thiết.
- Cột “Đơn vị kiểm tra” nếu để trống thì “Đơn vị khai báo” tự chịu trách nhiệm về tính chính xác.
- Các đơn vị tính giờ vật chất để trống (vì có nhiều đơn vị tính) cần phải xem Quyết định số 1713/QĐ-ĐHNT ngày 23/12/2013 để tính quy đổi.